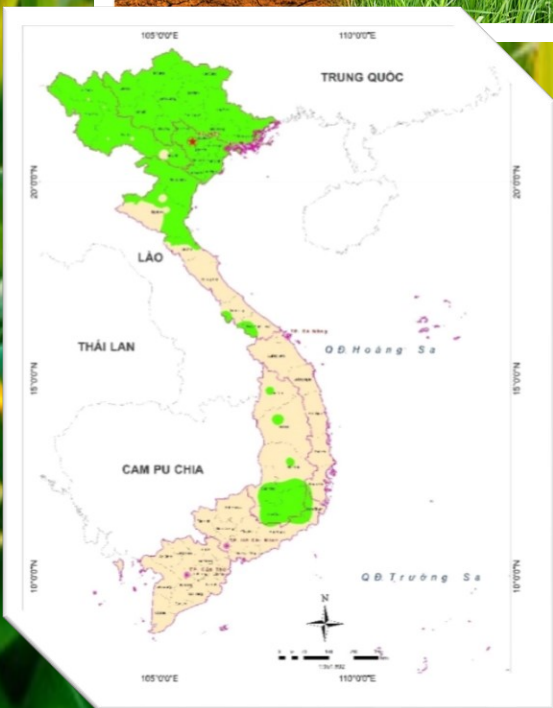




VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐÔNG KHÍ HẬU
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP

BẢN TIN THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP

SỐ THÁNG 3/2025



Hà Nội, tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC VIẾT TẮT	2
GIỚI THIỆU CHUNG	3
PHẦN I.....	4
TÓM TẮT TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG 2/2025.....	4
1.1. Diễn biến điều kiện khí tượng nông nghiệp.....	4
1.2. Sinh trưởng và tình hình sâu bệnh hại đối với một số cây trồng chính trong tháng 2/2025.....	9
1.3. Ảnh hưởng của điều kiện khí tượng đến trồng trọt và chăn nuôi trong tháng 2/2025.....	10
PHẦN II.	13
DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG 3-5/2025	13
2.1. Tóm tắt xu thế khí hậu từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2025	13
2.2. Rủi ro khí hậu đến trồng trọt và chăn nuôi trong tháng 3-tháng 5 năm 2025....	13
2.2.1. Rủi ro đối với cây trồng	13
2.2.2. Rủi ro đối với vật nuôi	18
PHẦN III.	20
KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THÁNG 3-5/2025	20

DANH MỤC VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	Ý NGHĨA
BTB	Bắc Trung Bộ
DHNTB	Duyên hải Nam Trung Bộ
ĐBSH	Đồng bằng sông Hồng
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐNB	Đông Nam Bộ
ENSO	Dao động Nam (El Niño-Southern Oscillation)
KHNN	Khí hậu nông nghiệp
KTNN	Khí tượng nông nghiệp
NB	Nam Bộ
TN	Tây Nguyên
Rx1day	Lượng mưa một ngày lớn nhất
SXNN	Sản xuất nông nghiệp
SGN	Số giờ nắng
SNM	Số ngày mưa
STNN	Sinh thái nông nghiệp
SVGH	Sinh vật gây hại
TBNN	Trung bình nhiều năm
TCTĐ	Nhiệt độ tối cao tuyệt đối
TDMNPB	Trung du và miền núi phía Bắc
THI	Chỉ số nhiệt- ẩm (Temperature humidity index)
TN	Tây Nguyên
XTNĐ	Xoáy thuận nhiệt đới

GIỚI THIỆU CHUNG

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu thực hiện xuất bản bản tin “**Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp**” hàng tháng. Bản tin được xây dựng dựa trên số liệu quan trắc khí tượng CLIM trên cả nước do Cục Khí tượng Thủy văn cung cấp; dữ liệu về sinh trưởng và phát triển cây trồng, tình hình sản xuất nông nghiệp và sinh vật gây hại do Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cập nhật; số liệu dự báo khí hậu do Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu thực hiện.

Bản tin “**Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp**” gồm các nội dung chính:

- Phần I. Tóm tắt tình hình khí tượng tháng 2/2025.

Cung cấp thông tin về diễn biến điều kiện khí tượng nông nghiệp bất lợi đến sản xuất nông nghiệp; tình hình sinh trưởng, phát triển và sâu dịch hại đối với cây trồng; tác động của khí hậu đến trồng trọt và chăn nuôi trong tháng 2/2025.

- Phần II. Dự báo điều kiện khí tượng nông nghiệp tháng 3-5/2025.

Cung cấp thông tin dự báo điều kiện khí hậu và rủi ro, tác động đến sản xuất nông nghiệp trong 3 tháng tiếp theo.

- Phần III. Khuyến nghị đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp tháng 3-5/2025.

Cung cấp thông tin khuyến nghị đối với trồng trọt và chăn nuôi trong 3 tháng tiếp theo dựa trên các dự báo rủi ro và tác động.

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu xin giới thiệu bản tin “Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp” số tháng 3/2025.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH




Nguyễn Đăng Mậu

PHẦN I.

TÓM TẮT TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG 2/2025

1.1. Diễn biến điều kiện khí tượng nông nghiệp

Tóm tắt diễn biến khí tượng nông nghiệp tháng 2/2025:

Nhiệt độ trung bình (T2m) tháng 2/2025 phổ biến cao hơn trung bình nhiều năm (TBNN) (theo số liệu quan trắc CLIM tại 150 trạm trên cả nước). Từ tháng 2/2024 đến tháng 2/2025, T2m tại các trạm tiêu biểu ở 7 vùng sinh thái nông nghiệp (STNN) phổ biến duy trì ở mức cao hơn TBNN từ 0,1 đến 1,1°C (Bảng 1 và Hình 1).

Tổng lượng mưa (R) tháng 2/2025 phổ biến cao hơn TBNN từ 21,0 đến 330,0 mm; thấp hơn đến xấp xỉ TBNN xảy ra tại một số trạm thuộc khu vực phía Bắc (theo số liệu quan trắc CLIM tại 150 trạm trên cả nước). Từ tháng 2/2024 đến tháng 2/2025, R tháng phổ biến ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN trong các tháng mùa mưa và từ thấp hơn đến xấp xỉ TBNN trong các tháng mùa khô. Tổng lượng mưa tháng 2/2025 phổ biến ở mức cao hơn so với tháng 2/2024 và TBNN ở hầu hết các trạm quan trắc (Bảng 1 và Hình 1).

Tổng số giờ nắng tháng 2/2025 (TGN) phổ biến từ thấp hơn TBNN từ 56 đến 115 giờ (theo số liệu quan trắc CLIM tại 150 trạm trên cả nước). Từ tháng 2/2024 đến tháng 2/2025, SGN các tháng phổ biến ở mức thấp hơn TBNN; một số trạm thuộc khu vực tại TDMNPB và NB có SGN cao hơn TBNN khoảng 3-19 giờ (Bảng 1 và Hình 1).

Độ ẩm (U) tháng 2/2025 phổ biến từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN. So với trung bình tháng 2/2024, độ ẩm tháng 2/2025 phổ biến cao hơn.

Điều kiện thời tiết bất lợi đối với sản xuất nông nghiệp trong tháng 2/2025:

- Khu vực miền Bắc: Trong tháng 2/2025, xuất hiện các đợt rét đậm, rét hại gây nhiệt độ xuống dưới 10°C, thậm chí có nơi xuống dưới 5,0°C. Bảng 1 cho thấy, nhiệt độ tối thấp (Tn) trung bình tháng 2/2025 ở các trạm vùng TDMNPB phổ biến dao động trong khoảng 9,0 -16,7°C (Bảng 1 và Hình 2). Nhiệt độ thấp, sương muối trong tháng 2/2025 cũng đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến sinh trưởng và phát triển của cây

trồng và vật nuôi ở các vùng núi cao phía Bắc. Bên cạnh đó, tình trạng thiếu nước và khô hạn cũng xảy ra cục bộ ở khu vực tỉnh Sơn La (Hình 4).

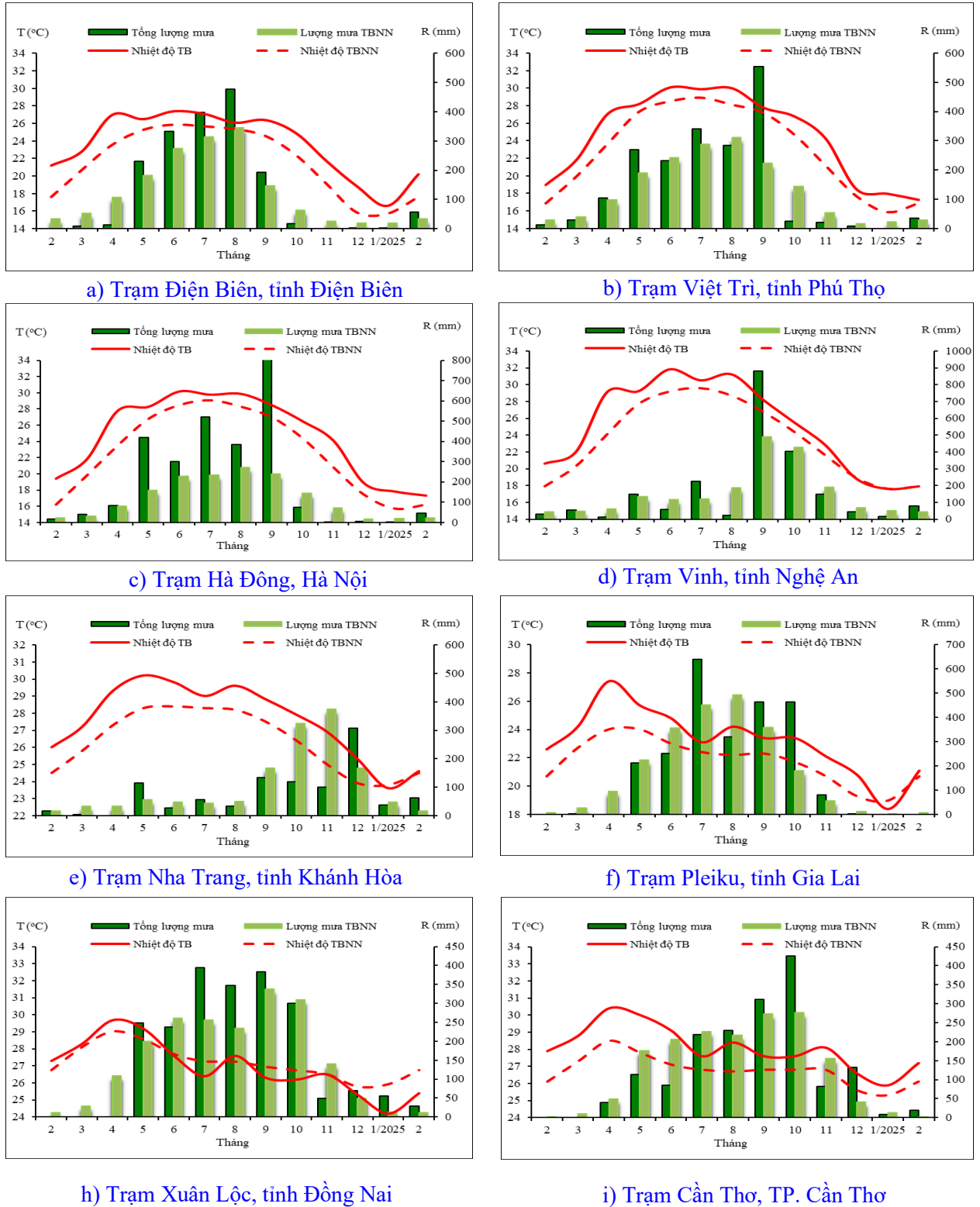
- Khu vực miền Trung: Mưa lớn cục bộ xảy ra ở một số nơi như Tuy Hòa (92mm/ngày), Trà My (93mm/ngày) (Hình 3).

- Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ: Mưa trái mùa xảy ra; mưa lớn cục bộ xảy ra tại Lâm Đồng (Hình 4). Nhiệt độ tối cao (Tx) trung bình tháng 2/2025 phổ biến cao hơn TBNN và cao hơn tháng 2/2024 (Bảng 1). Lượng bốc hơi, thiếu nước và khô hạn xuất hiện tại Kon Tum, Gia Lai, các tỉnh Nam Bộ (Hình 4). Nhiệt độ cao có ảnh hưởng đáng kể đến sinh trưởng và phát triển của cây công nghiệp ở khu vực Tây Nguyên; đặc biệt trong đầu tháng 3/2025, mưa trái mùa xuất hiện ở khu vực này làm ảnh hưởng đến quá trình thụ phấn hoa. Xâm nhập mặn ở vùng ĐBSCL; độ mặn 4‰ xâm nhập sâu tới thị trấn Gò Công (36km) và huyện Châu Thành (72km) tỉnh Kiên Giang.

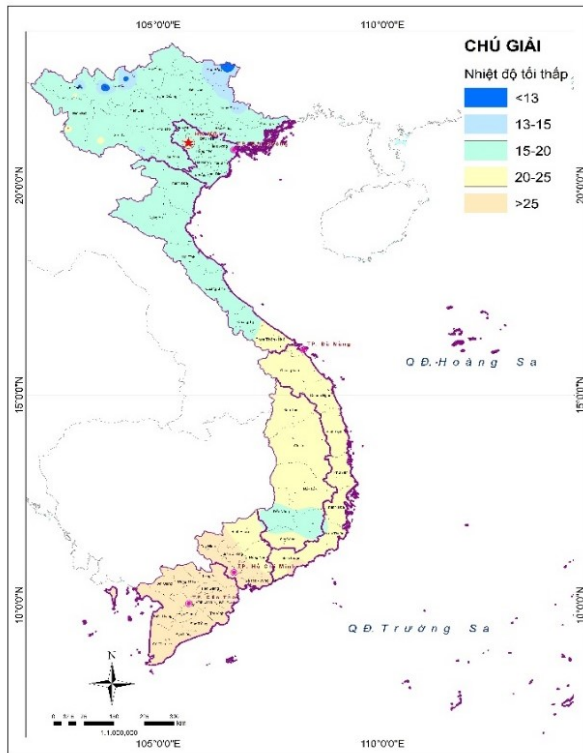
Bảng 1. So sánh đặc trưng khí hậu tháng 2/2025 với tháng 2/2024 tại 7 vùng sinh thái nông nghiệp

Đặc trưng khí hậu		TDMNPB	ĐBSH	BTB	DHNTB	TN	ĐNB	ĐBSCL
T _{2m} (°C)	2/2025	11 ÷ 20,5	16,9 ÷ 17,6	17,7 ÷ 21,2	21,4 ÷ 26	16,6 ÷ 24,1	25,4 ÷ 28	26,4 ÷ 27,4
	2/2024	14 ÷ 21,8	18,7 ÷ 20,6	19,6 ÷ 23,4	24,1 ÷ 27	18,6 ÷ 25,3	26,7 ÷ 29,2	27,3 ÷ 28,2
T _x (°C)	2/2025	13,0 ÷ 28,1	18,6 ÷ 20,1	19,9 ÷ 25,3	24,9 ÷ 29,7	22,3 ÷ 30,7	29,9 ÷ 33,8	30,4 ÷ 32,5
	2/2024	17,2 ÷ 31,3	20,7 ÷ 24,1	22,2 ÷ 28,5	27,9 ÷ 31,5	25,1 ÷ 32,5	31,0 ÷ 35,9	31,2 ÷ 33,9
T _n (°C)	2/2025	9,0 ÷ 16,7	15,4 ÷ 16,0	15,8 ÷ 18,7	19,5 ÷ 23,7	12,7 ÷ 20,4	21,0 ÷ 24,3	23,4 ÷ 25,4
	2/2024	11,0 ÷ 18,7	16,9 ÷ 18,5	17,7 ÷ 20,3	20,9 ÷ 24,4	13,6 ÷ 20,4	21,4 ÷ 25,7	23,7 ÷ 25,7
R (mm)	2/2025	2 ÷ 98	23 ÷ 54	15 ÷ 233	0 ÷ 367	0 ÷ 234	0 ÷ 140	0 ÷ 28
	2/2024	0 ÷ 49	23 ÷ 24	0 ÷ 58	0 ÷ 88	0 ÷ 100	0 ÷ 3	0 ÷ 9
SNM (ngày)	2/2025	3 ÷ 21	9 ÷ 17	7 ÷ 20	1 ÷ 20	0 ÷ 17	0 ÷ 9	0 ÷ 7
	2/2024	0 ÷ 20	9 ÷ 18	0 ÷ 18	0 ÷ 12	0 ÷ 7	0 ÷ 1	0 ÷ 2
SGN (giờ)	2/2025	4 ÷ 177	6 ÷ 18	10 ÷ 96	56 ÷ 205	82 ÷ 235	149 ÷ 221	166 ÷ 236
	2/2024	31 ÷ 243	26 ÷ 58	53 ÷ 169	144 ÷ 303	195 ÷ 286	225 ÷ 270	242 ÷ 283
U (%)	2/2025	67 ÷ 92	79 ÷ 91	84 ÷ 94	73 ÷ 92	69 ÷ 88	23 ÷ 78	72 ÷ 79
	2/2024	59 ÷ 91	83 ÷ 94	82 ÷ 92	74 ÷ 88	59 ÷ 85	63 ÷ 75	70 ÷ 77

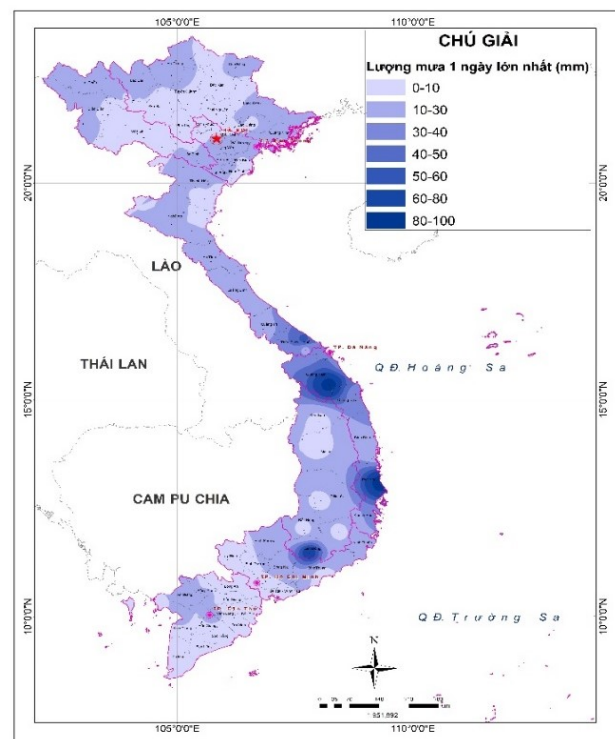
Ghi chú: T_{2m}-Nhiệt độ trung bình; T_n-Nhiệt độ tối thấp trung bình; T_x-Nhiệt độ tối cao trung bình; R-Tổng lượng mưa; SNM-Số ngày mưa;
SGN-Số giờ nắng; U-Độ ẩm



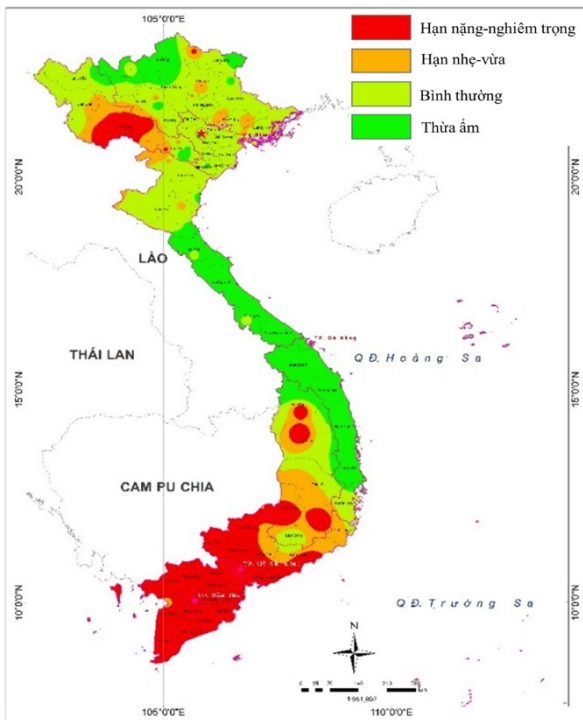
Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng từ tháng 2/2024 đến tháng 2/2025 tại một số trạm khí tượng tiêu biểu cho các vùng sinh thái nông nghiệp



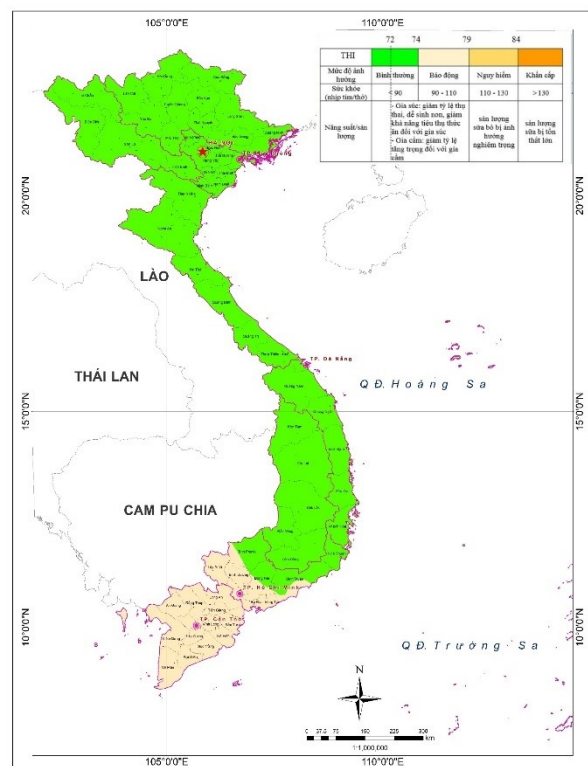
Hình 2. Nhiệt độ tối thấp (T_n) trung bình tháng 2/2025 ($^{\circ}\text{C}$)



Hình 3. Lượng mưa một ngày lớn nhất ($R_{x1\text{day}}$) tháng 2/2025 (mm)



Hình 4. Điều kiện khô hạn/ẩm ướt theo chỉ số hạn hạn nông nghiệp tháng 2/2025



Hình 5. Chỉ số nhiệt-ẩm (THI) trung bình tháng 2/2025

1.2. Sinh trưởng và tình hình sâu bệnh hại đối với một số cây trồng chính trong tháng 2/2025

Tình hình sinh trưởng và phát triển của một số cây trồng chính: Các vùng miền Bắc (Trung du và miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ) chủ yếu đang trong giai đoạn đầu của vụ lúa, với cây lúa đang hồi xanh, đẻ nhánh hoặc mới gieo cấy. Các vùng miền Trung và Nam (Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long) có sự đa dạng hơn về giai đoạn sinh trưởng, từ đẻ nhánh, làm đòng đến chín và thu hoạch. Cây thanh long và cà phê tập trung chủ yếu ở các vùng phía Nam, đang trong giai đoạn chăm sóc, phát triển hoặc thu hoạch (Bảng 2).

Tình hình sâu bệnh hại trong tháng 2/2025: Các loại sâu bệnh hại như bệnh đạo ôn lá, rầy hại lúa, và bệnh bạc lá tiếp tục gây thiệt hại đáng kể cho cây lúa, đặc biệt tại các tỉnh phía Nam và miền Trung. Sâu keo mùa thu trên cây ngô và bệnh đốm nâu trên thanh long cũng xuất hiện rải rác, gây ảnh hưởng đến năng suất. Cây cà phê chịu ảnh hưởng nặng nề từ bệnh khô cành và bệnh gỉ sắt, đặc biệt tại các tỉnh Tây Nguyên (Bảng 3).

Bảng 2. Hiện trạng giai đoạn sinh trưởng của một số loại cây trồng

Vùng sinh thái nông nghiệp	Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng
TBMNPB	Lúa	Hồi xanh - Đẻ nhánh
	Ngô	Trồng - 3 lá
ĐBSH	Lúa	Hồi xanh - Đẻ nhánh
BTB	Lúa	Mới gieo, cấy - 3 lá
	Lạc	Gieo - Cây con
DHNTB	Lúa	Đứng cái - Làm đòng
	Thanh long	Chăm sóc - Thu hoạch
TN	Lúa	Đẻ nhánh - Đứng cái
	Cà phê	Phân hóa mầm hoa - Ra hoa
ĐNB	Lúa	Chín - Thu hoạch
	Thanh long	Chăm sóc - Phát triển thân, lá
ĐBSCL	Lúa	Mạ - Đẻ nhánh

Nguồn: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, tháng 3/2025

Bảng 3. Tình hình sâu bệnh hại ở một số cây trồng chính

Cây trồng	Loại dịch bệnh	Diện tích nhiễm (ha)	Diện tích đã phòng trừ (ha)	Tình trạng nhiễm nặng (ha)	Phân bố chủ yếu
Lúa	Bệnh đạo ôn lá	10.975	4.995	-	Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Bình Thuận, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Gia Lai, Phú Yên, Quảng Ngãi, Bình Định, Ninh Thuận, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang...
	Rầy hại lúa	4.994	1.778	-	An Giang, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Hậu Giang, Tiền Giang, Kiên Giang...
	Bệnh bạc lá	5.760	3.064	10	Kiên Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Long An, An Giang, Sóc Trăng...
Ngô	Sâu keo mùa thu	209	124	-	Hà Nội, Nam Định, Hà Nam, Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Bình, Lâm Đồng, Gia Lai, Quảng Ngãi, Phú Yên, Đồng Nai...
Thanh long	Bệnh đốm nâu	1.170	891	-	Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Trà Vinh, Bà Rịa - Vũng Tàu
Cà phê	Bệnh khô cành	7.359	6.494	55	Điện Biên, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước...
	Bệnh gỉ sắt	6.577	8.892	90	Điện Biên, Sơn La, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước...

Nguồn: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, tháng 3/2025

1.3. Ảnh hưởng của điều kiện khí tượng đến trồng trọt và chăn nuôi trong tháng 2/2025

a. Ảnh hưởng đến cây trồng

Ảnh hưởng do thiếu nước và khô hạn đối với cây lúa vùng ĐBSCH và ĐBSCL:

Kết quả tính toán trong Bảng 4 cho thấy, lượng mưa trong tháng 2/2025 không đáp ứng đủ nhu cầu nước cho cây lúa tại Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) và Đồng bằng sông

Cửu Long (ĐBSCL). Đặc biệt tại vùng ĐBSCL, tình trạng thiếu nước từ nước mưa so với nhu cầu thực tế của cây lúa dao động từ 140mm (tại Châu Đốc) đến 166,8 mm (tại Bạc Liêu).

Ảnh hưởng do không khí lạnh: Ảnh hưởng đến Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, gây ra thời tiết lạnh, đặc biệt tại vùng núi Bắc Bộ với nhiệt độ phổ biến từ 11-13°C, một số nơi dưới 10°C. Tn trung bình tháng 2/2025 tại Bắc Bộ dao động trong khoảng 9-17°C, còn tại Bắc Trung Bộ là 16-18°C. Không khí lạnh kết hợp với dòng xiết trong đới gió Tây trên cao gây mưa nhỏ tại khu vực Đông Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

Mưa lớn cục bộ tại Nam Trung Bộ (từ ngày 23-25/2): Tỉnh Bình Định chịu ảnh hưởng nặng nề với lượng mưa lên đến 179 mm tại huyện Vân Canh. Từ ngày 22/2 đến 15 giờ ngày 24/2, lượng mưa phổ biến từ 80-150 mm, có nơi mưa to cục bộ trên 150 mm. Hậu quả: 4.938 ha cây trồng bị ngập, bao gồm 3.638 ha lúa, 1.251 ha sắn, 42 ha rau, 2,2 ha mía, và 1,45 ha ngô.

Triều cường và xâm nhập mặn: Đợt triều cường từ ngày 11-15/2/2025 gây ngập lụt tại các vùng trũng, thấp và làm tăng nguy cơ sạt lở ven sông, ven biển. Gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh trên vùng biển từ Bà Rịa - Vũng Tàu đến Cà Mau, bao gồm cả vùng biển Bạc Liêu, làm gia tăng tác động xấu.

Nền nhiệt độ cao: Nền nhiệt độ cao và độ ẩm không khí về đêm lớn đã tạo điều kiện thuận lợi cho các loại sâu dịch bệnh phát triển, đặc biệt, bệnh rầy hại lúa, đạo ôn và sâu cuốn lá nhỏ trên lúa ở khu vực phía Nam.

b. Ảnh hưởng đến chăn nuôi

Kết quả tính toán chỉ số nhiệt - ẩm (THI) cho thấy, các yếu tố khí hậu trong tháng 2/2025 chủ yếu ảnh hưởng đến vật nuôi ở vùng Nam Bộ. Cụ thể, mức độ ảnh hưởng chủ yếu liên quan đến khả năng hô hấp và tiêu thụ thức ăn, tăng nhịp tim của gia súc và gia cầm (Hình 5).

Bảng 4. Mức độ thiếu/thừa nước tự nhiên đối với nhu cầu nước của cây lúa trong tháng 2/2025

Vùng	Điểm/trạm	Nhu cầu nước của cây lúa (mm)	Lượng mưa thực tế (mm)	Thiếu (-)/thừa (+) nước so với nhu cầu (mm)
Đồng bằng sông Hồng	Sơn Tây	81.8	34	-47.8
	Hà Đông	81.4	45	-36.4
	Hải Dương	80.4	23	-57.4
	Hưng Yên	74.8	35	-39.8
	Nam Định	76.4	33	-43.4
	Văn Lý	72.9	30	-42.9
	Nho Quan	80.6	40	-40.6
	Ninh Bình	75.9	42	-33.9
	Thái Bình	74.6	28	-46.6
Đồng bằng sông Cửu Long	Mộc Hóa	167.3	10	-157.3
	Mỹ Tho	161.7	0	-161.7
	Cao Lãnh	157.2	17	-140.2
	Càng Long	166.4	3	-163.5
	Châu Đốc	156.9	13	-143.9
	Cần Thơ	163.0	19	-144.0
	Sóc Trăng	159.2	0	-159.2
	Rạch Giá	167.3	28	-139.3
	Bạc Liêu	166.7	0	-166.8
	Cà Mau	159.8	2	-157.8

PHẦN II.

DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG 3-5/2025

2.1. Tóm tắt xu thế khí hậu từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2025

Xu thế khí hậu: Hiện nay, ENSO đang trong điều kiện La Nina yếu và được dự báo đang dịch chuyển sang trạng thái trung tính trong các tháng tiếp theo với xác suất khoảng 60-65%. Nhiệt độ trung bình mùa tháng 3-tháng 5/2025 được dự báo ở mức từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở hầu hết diện tích cả nước. Lượng mưa mùa tháng 3-tháng 5/2025 được dự báo xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ; xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở phía Nam. Nắng nóng có khả năng xuất hiện muộn hơn ở phía Nam.

Rủi ro cực đoan khí hậu khí hậu: Mưa trái mùa có thể xảy ra ở khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ trong tháng 3/2025; mùa mưa có thể đến sớm hơn ở Tây Nguyên và Nam Bộ. Nắng nóng và nhiệt độ cao xảy ra vào tháng 4-tháng 5/2025, đặc biệt ở khu vực ĐBSH và miền Trung.

2.2. Rủi ro khí hậu đến trồng trọt và chăn nuôi trong tháng 3-tháng 5 năm 2025

2.2.1. Rủi ro đối với cây trồng

Tình hình thừa/thiếu nước:

- Tình hình thiếu nước và khô hạn được dự báo tiếp tục xảy ra ở khu vực Nam Trung Bộ, Bắc Tây Nguyên và Nam Bộ trong tháng 3/2025. Đặc biệt, khu vực ĐBSCL là khu vực được dự báo thiếu nước nghiêm trọng nhất trong tháng 3/2025. Từ tháng 4 đến tháng 5/2025, tình hình thiếu nước/khô hạn được dự báo chấm dứt trên cả nước (Hình 6).

- Nhu cầu nước đối với cây lúa: Vùng ĐBSH, thiếu hụt nước đối với nhu cầu của cây lúa được dự báo xảy ra vào tháng 3-tháng 4; tháng 5 đủ ẩm cho cây lúa. Vùng ĐBSCL, thiếu hụt nước cho lúa đông xuân giai đoạn chín – thu hoạch trọng trọng tháng 3; sang tháng 5, một số khu vực có nguy cơ ngập úng cục bộ tại Sóc Trăng, Rạch Giá (Kiên Giang) giai đoạn đầu vụ hè thu (Bảng 5).

Rủi ro sâu bệnh hại: Điều kiện thời tiết mùa từ tháng 3-tháng 5 thuận lợi cho một số sâu bệnh hại phát triển như:

- Cây lúa: (i) Bắc Bộ: Ốc bươu vàng, chuột,..... tiếp tục có xu hướng gia tăng gây hại. Ngoài ra, rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu cuốn lá nhỏ, tuyến trùng rễ, bệnh nghệt rễ... tiếp tục phát sinh và gây hại nhẹ; (ii) Bắc Trung Bộ: Chuột, ốc biêu vàng, bệnh đạo ôn lá tiếp tục phát sinh và gây hại; (iii) DHNTB và TN: Đạo ôn, rầy nâu, rầy lưng trắng,

sâu đục thân hai chấm, bệnh khô vằn, bệnh lem lép hạt, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân;
(iv) Nam Bộ: Rầy nâu, rầy phấn trắng, bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá, bệnh đen lép hạt.

- Cây ngô: Sâu keo mùa thu, sâu xám, sâu khoang, bệnh héo xanh, bệnh lở cổ rễ,...

- Cây Thanh long: Bọ trĩ, bệnh đốm nâu, bệnh nám vàng cành, bệnh thối rễ tóp cành, ốc,...

- Cà phê: Bọ xít muỗi, Rệp sáp, rệp vảy, mọt đục thân+cành, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt,...

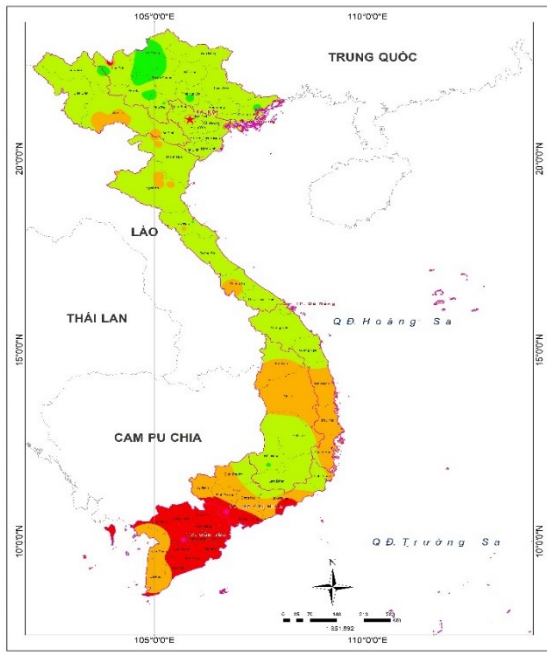
- Cây hồ tiêu: Bệnh chết chậm, bệnh chết nhanh, tuyến trùng rễ, rệp sáp gốc+cành,...

- Cây điều: Bọ xít muỗi, sâu đục thân+cành, sâu đục lá, bọ vòi voi đục chồi, bệnh thán thư,...

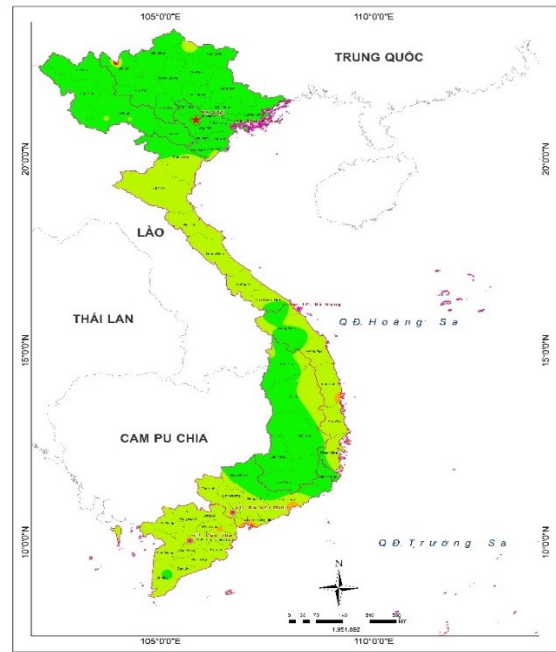
- Cây chè: Bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi, nhện đỏ, bệnh đốm nâu, bệnh thối búp,...

- Cây nhãn, vải: Sâu cuốn lá, sâu đo, bệnh thán thư,...

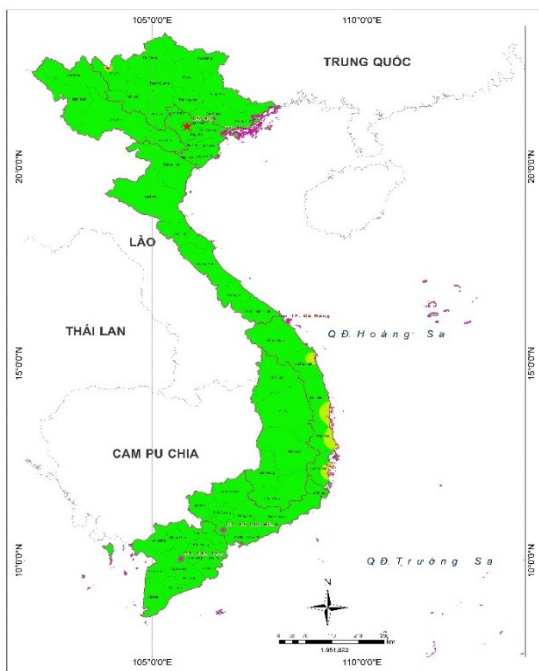
Nhận định chung về tác động của thời tiết/khí hậu đến cây trồng: Tháng 3-tháng 4 năm 2025, điều kiện khí hậu có thể gây bất lợi đối với trồng trọt ở các vùng khí hậu do tình trạng ít mưa kéo dài (cuối tháng mùa khô) và nắng nóng xuất hiện, nên dẫn đến tình trạng lượng nước tự nhiên không không đáp ứng được nhu cầu nước của cây trồng. Tháng 5 thời tiết thuận lợi, tuy nhiên một số vùng xảy ra ngập úng cục bộ (Bảng 6).



Tháng 3/2025



Tháng 4/2025



Tháng 5/2025



Hình 6. Dự báo nguy cơ thừa nước/khô hạn trong tháng 3-tháng 5/2025

Bảng 5. Khả năng đáp ứng nhu cầu nước đối với cây lúa từ lượng mưa trong mùa tháng 3 - tháng 5/2025

Vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Thừa (+)/thiếu (-) nước (m ³ /ha)			Khuyến cáo
		Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	
Đồng bằng sông Hồng	Sơn Tây	-627	-207	+803	Tháng 3, 4: Thiếu hụt nước Tháng 5: Có nguy cơ xảy ra ngập
	Hà Đông	-630	-284	+547	Tháng 3, 4: Thiếu hụt nước Tháng 5: Đủ ẩm
	Hải Dương	-542	-216	+346	Tháng 3, 4: Thiếu hụt nước Tháng 5: Đủ ẩm
	Hưng Yên	-515	-238	+370	Tháng 3, 4: Thiếu hụt nước Tháng 5: Đủ ẩm
	Nam Định	-472	-276	+314	Tháng 3, 4: Thiếu hụt nước Tháng 5: Đủ ẩm
	Văn Lý	-484	-481	-5	Tháng 3, 4,5: Thiếu hụt nước
	Nho Quan	-556	-341	+744	Tháng 3, 4: Thiếu hụt nước Tháng 5: Đủ ẩm
	Ninh Bình	-524	-393	+281	Tháng 3, 4: Thiếu hụt nước Tháng 5: Đủ ẩm
Đồng bằng sông Cửu Long	Mộc Hóa	-1265		+324	Tháng 3: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 5: Đủ ẩm
	Mỹ Tho	-1343		+175	Tháng 3: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 5: Đủ ẩm
	Cao Lãnh	-1157		+74	Tháng 3: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 5: Đủ ẩm
	Càng Long	-1284		+599	Tháng 3: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 5: Đủ ẩm
	Châu Đốc	-1130		+315	Tháng 3: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 5: Đủ ẩm
	Cần Thơ	-1249		+507	Tháng 3: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 5: Đủ ẩm
	Sóc Trăng	-1263		+1142	Tháng 3: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 5: Có nguy cơ xảy ra ngập

Vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Thừa (+)/thiếu (-) nước (m ³ /ha)			Khuyến cáo
		Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	
	Rạch Giá	-1071		+1181	Tháng 3: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 5: Có nguy cơ xảy ra ngập
	Bạc Liêu	-1310		+779	Tháng 3: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 5: Đủ ẩm

Bảng 6. Tổng hợp thông tin thuận lợi/không thuận lợi do điều kiện thời tiết và khí hậu đối với sinh trưởng và phát triển của một số cây trồng chính tại các vùng sinh thái nông nghiệp từ tháng 3 – tháng 5 năm 2025

Vùng STNN	Cây trồng	Năm 2025											
		T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
TDMNPB	Lúa			ITL	ITL	TL							
	Lúa nương					TL							
	Ngô			ITL	TL	TL							
ĐBSH	Lúa			ITL	ITL	TL							
BTB	Lúa			ITL	ITL	TL							
	Lạc			TL	TL	ITL							
DHNTB	Lúa			ITL	ITL	TL							
	Thanh Long			ITL	ITL	TL							
TN	Lúa			ITL	ITL	TL							
	Cà phê			ITL	ITL	TL							
ĐNB	Lúa			ITL		TL							
	Thanh Long			ITL	ITL	TL							
ĐBSCL	Lúa			ITL		TL							

Chú giải:

	Thời kỳ không gieo trồng
	Thời kỳ gieo trồng
	Thời kỳ sinh dưỡng
	Thời kỳ sinh thực
	Thời kỳ chín và thu hoạch
	Thời kỳ ra hoa, quả, thu hoạch

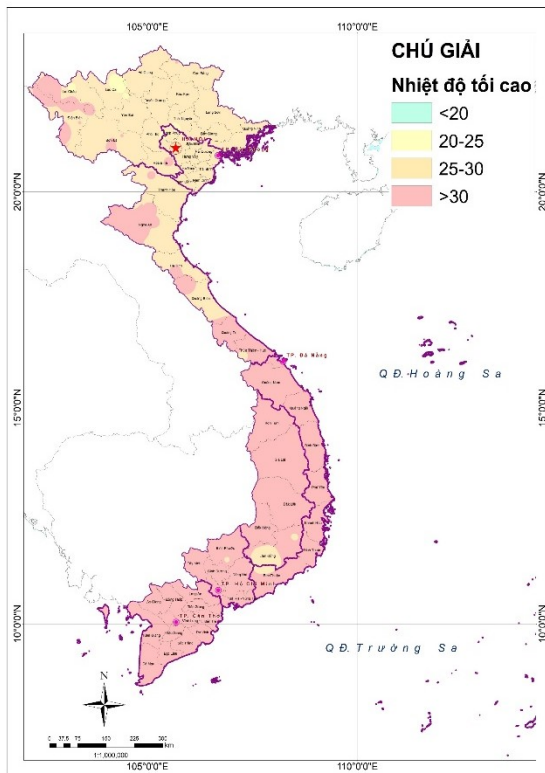
TL: Thuận lợi cho SXNN

ITL: Ít thuận lợi cho SXNN

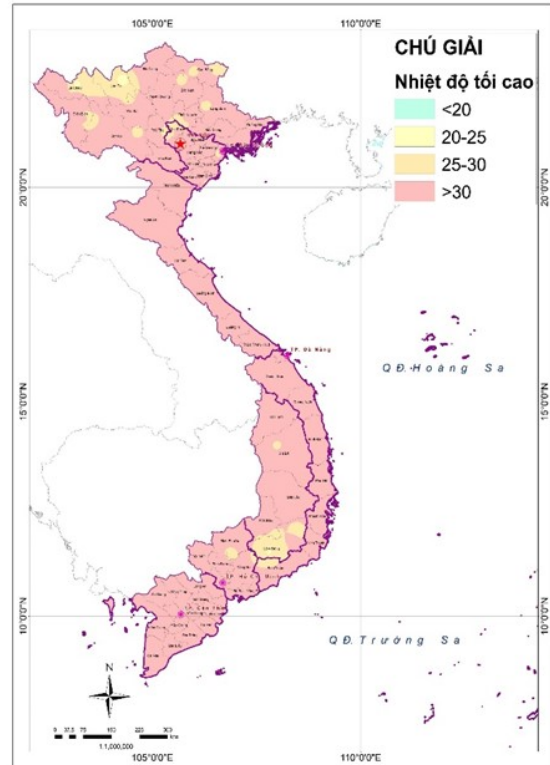
2.2.2. Rủi ro đối với vật nuôi

Tháng 3-tháng 4 là giai đoạn chuyển mùa, thời tiết biến động mạnh nên có thể ảnh hưởng xấu đến vật nuôi ở các tỉnh miền Bắc.

Tháng 4- tháng 5, nắng nóng và nhiệt độ cao xảy ra nhiều hơn trên cả nước (Hình 7). Trong giai đoạn này, kết quả dự báo chỉ số THI cho thấy, nắng nóng và nhiệt độ cao có ảnh hưởng xấu đến vật nuôi, làm giảm khả năng tiêu thụ thức ăn của gia súc, gia cầm (Hình 8).

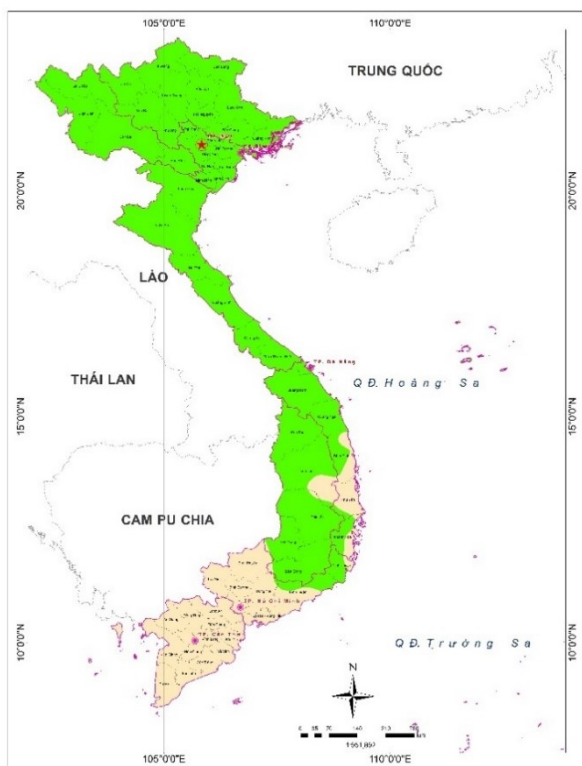


Tháng 4/2025

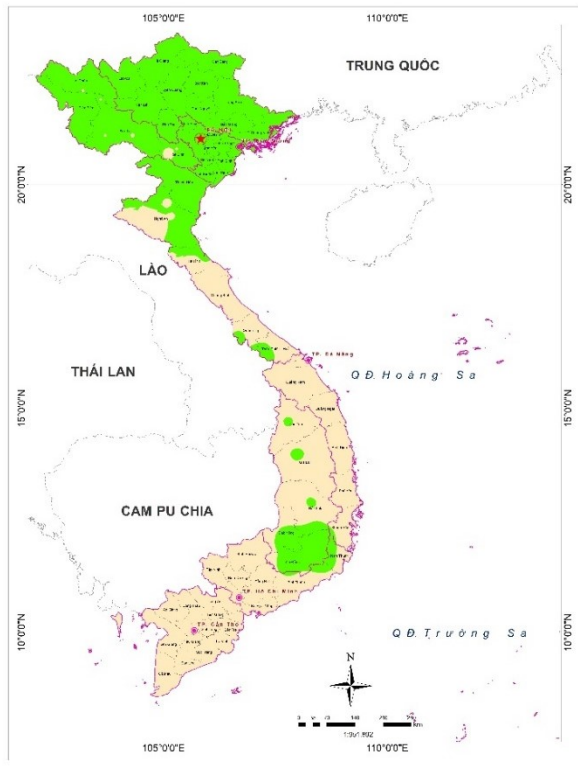


Tháng 5/2025

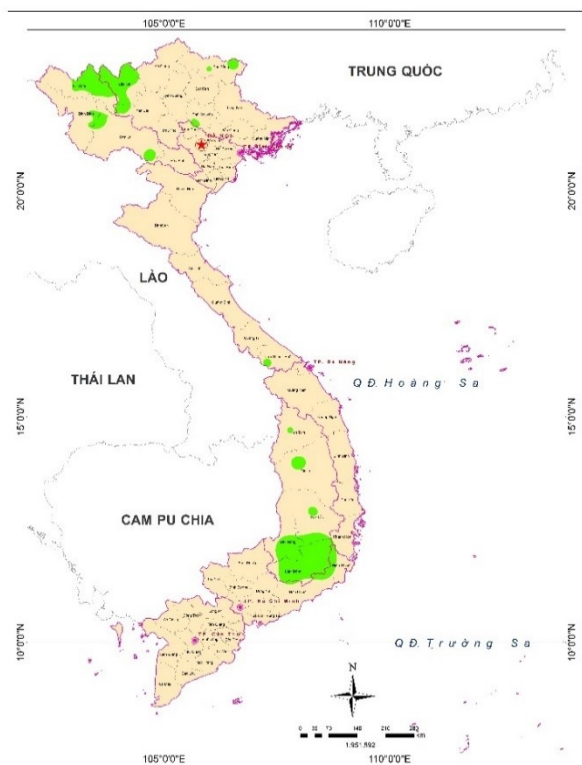
Hình 7. Dự báo nhiệt độ tối cao (Tx) trung bình tháng 4-tháng 5/2025 (°C)



Tháng 3/2025



Tháng 4/2025



Tháng 5/2025

	72	74	79	84
THI				
Mức độ ảnh hưởng	Bình thường	Báo động	Nguy hiểm	Khẩn cấp
Sức khỏe (nhịp tim/thời)	< 90	90 - 110	110 - 130	> 130
Năng suất/sản lượng	- Gia súc: giảm tỷ lệ thụ thai, đẻ sinh non, giảm khả năng tiêu thụ thức ăn đối với gia súc - Gia cầm: giảm tỷ lệ tăng trọng đối với gia cầm		sản lượng sữa bò bị ảnh hưởng nghiêm trọng	sản lượng sữa bị tổn thất lớn

Hình 8. Dự báo chỉ số nhiệt-ẩm (THI) trung bình tháng 3-tháng 5/2025 và nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe và sản lượng của vật nuôi

PHẦN III.
KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
THÁNG 3-5/2025

Vùng	Cây trồng	Rủi ro khí hậu	Khuyến nghị các giải pháp chăm sóc cây trồng		
			Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5
TDMNPB	Lúa	- Thiếu hụt nước trong tháng 3 và tháng 4	Giai đoạn hồi xanh, đẻ nhánh - Duy trì mực nước nông 2–3 cm	Giai đoạn: Làm đồng, trổ - Giữ mực nước ổn định 3–5 cm từ giai đoạn làm đồng đến sau trổ 7–10 ngày	Giai đoạn trổ, vào chắc, chín - Duy trì nước cạn, tránh ngập úng giai đoạn chín
	Ngô	- Thiếu hụt nước trong tháng 3, 4	Giai đoạn: 3-7 lá, phát triển thân - Giữ ẩm đất vừa phải khi gieo – ra lá thật – 7 lá	Giai đoạn làm đồng- trổ cò- phun râu- thụ phấn - Tưới đủ ẩm	Giai đoạn: Hình thành hạt-chắc hạt – chín - Duy trì độ ẩm ổn định đến khi hạt chắc.
ĐBSH	Lúa	- Thiếu hụt nước trong tháng 3, 4	Giai đoạn hồi xanh, đẻ nhánh - Duy trì mực nước nông 2–3 cm	Giai đoạn: Làm đồng, trổ - Giữ mực nước ổn định 3–5 cm	Giai đoạn trổ, vào chắc, chín - Duy trì nước cạn, tránh ngập úng giai đoạn chín
BTB	Lúa	- Thiếu hụt nước trong tháng 3,4	Giai đoạn: 3 lá – hồi xanh – đẻ nhánh - Giữ nước 2–3 cm để rễ phát triển, không để ruộng khô nứt	Giai đoạn: Đẻ nhánh rộ - làm đồng - trổ - Giữ nước ổn định 3–5 cm.	Giai đoạn: Trổ - vào chắc - chín sấp - Duy trì nước nông 2-3cm trong giai đoạn chắc hạn.
	Lạc	- Thiếu hụt nước trong tháng 3,4	Giai đoạn: Cây con - phát triển thân lá - phân cành - chuẩn bị ra hoa - Giữ đất ẩm vừa phải, tránh khô hạn kéo dài	Giai đoạn: Ra hoa - thụ phấn - đâm tia - hình thành củ - Duy trì độ ẩm đều và liên tục trong suốt thời gian ra hoa – đâm tia – hình thành củ	Giai đoạn: Phát triển củ - chắc hạt – chín - Giữ ẩm vừa phải trong giai đoạn phát triển củ – chắc hạt.

Vùng	Cây trồng	Rủi ro khí hậu	Khuyến nghị các giải pháp chăm sóc cây trồng		
			Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5
DHNTB	Lúa	- Thiếu hụt nước trong tháng 3,4	Giai đoạn: Làm đồng - trổ - phơi màu - Giữ nước ruộng 3–5 cm	Giai đoạn: Vào chắc - chắc hạt - chín sấp - Giữ nước 2–3 cm	Giai đoạn: Chín sấp - chín hoàn toàn - thu hoạch - Rút cạn nước trước thu hoạch từ 7–10 ngày
	Than h Long	- Thiếu hụt nước trong tháng 3,4	Giai đoạn: Ra hoa rộ, đậu trái - Duy trì ẩm liên tục,	Giai đoạn: nuôi trái - Tưới bổ sung, duy trì độ ẩm	Giai đoạn: Chín – thu hoạch
Tây Nguyên	Lúa	- Thiếu hụt nước trong tháng 3,4	Giai đoạn: đẻ nhánh - đứng cái - Duy trì nước nông 3-5cm trong giai đoạn đẻ nhánh.	Giai đoạn: đứng cái – làm đồng - Giữ nước ổn định 3–5 cm. - Đề phòng sâu đục thân, rầy nâu, bệnh đạo ôn, khô vằn.	Giai đoạn: làm đồng - trổ bông - Duy trì nước nông 2-3cm trong giai đoạn trổ bông.
	Cà phê	- Thiếu hụt nước trong tháng 3,4 - Mưa trái mùa	Giai đoạn: nở hoa - đậu quả - Đảm bảo độ ẩm cho cây.	Giai đoạn: phát triển quả non - Đảm bảo đủ ẩm cho quả phát triển.	Giai đoạn: phát triển quả - Đề phòng bệnh thán thư và rệp sáp.
ĐNB	Lúa		Giai đoạn: thu hoạch - Thu hoạch đúng thời điểm khi lúa chín 85-90% để đề phòng thời tiết bất lợi.	Giai đoạn: Sạ - mạ - Duy trì mực nước thích hợp (2-3 cm) để hạt giống nảy mầm và mạ phát triển tốt.	Giai đoạn: Mạ - Đẻ nhánh - Duy trì mực nước 3-5 cm - Đề phòng sâu cuốn lá, rầy nâu, bệnh đạo ôn, khô vằn.
	Than h Long	- Thiếu hụt nước trong tháng 3	Giai đoạn: ra hoa - chuẩn bị đậu quả - Tưới bổ sung, đảm bảo độ ẩm cho cây.	Giai đoạn: Nở hoa - đậu quả	Giai đoạn: Phát triển quả

Vùng	Cây trồng	Rủi ro khí hậu	Khuyến nghị các giải pháp chăm sóc cây trồng		
			Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5
		- Mưa trái mùa	- Đảm bảo hệ thống thoát nước để phòng ngập úng do mưa trái mùa.	- Duy trì độ ẩm đất để hoa nở đồng loạt và tăng tỷ lệ đậu quả. - Đề phòng rệp sáp, bọ trĩ, và bệnh thán thư.	- Bổ sung kali để tăng chất lượng quả và giúp quả chín đều. - Đề phòng bệnh thán thư và rệp sáp.
ĐBSCL	Lúa	- Thiếu hụt nước vào tháng 4 - Nguy cơ ngập úng trong tháng 5	Giai đoạn: đẻ nhánh rộ - đứng cái - Duy trì mực nước trong ruộng khoảng 3-5 cm để đảm bảo cây lúa đẻ nhánh tốt.	Giai đoạn: làm đòng - Duy trì mực nước trong ruộng khoảng 2-3 cm. - Đề phòng sâu đục thân, bệnh khô vằn, và bệnh đạo ôn.	Giai đoạn: trổ bông - chín sữa - Đảm bảo hệ thống thoát nước tốt để tránh ngập úng.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp,
Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu
Địa chỉ: Số 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Email: ktnn.imhen@mae.gov.vn